

CHƯƠNG 4: TU TƯỚNG

Luận nói: Tại sao phải biết tu tướng của các địa?

Giải thích: Đã nói tướng đặc các địa, lại lấy phương tiện tu nào có khả năng đặc các địa, cho nên hỏi tại sao phải biết.

Luận nói: Chư Bồ-tát trước hết trong các địa, tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, mỗi địa đều có năm tướng tu tập được thành.

Giải thích: Các Bồ-tát ba đời tu hành đều đồng nhau, vì đặc những pháp chưa từng đặc làm đầu, đây là làm rõ tu thời đang tại thanh tịnh ý vị, cho nên nói chỗ tu mười Ba-la-mật trong các địa. Chung có hai thể. 1. Bất tán loạn làm thể. 2. Bất điên đảo làm thể. Bất tán loạn thuộc Xa-ma-tha, bất điên đảo thuộc Tỳ-bát-xá-na. Các địa mỗi mỗi đều có đủ năm tướng tu tập được thành Bồ-tát địa. Nếu không có năm thứ tu này thì không được nhập Bồ-tát địa.

Luận nói: Những gì là năm? 1. Tập tổng tu.

Giải thích: Nương vào những gì Phật nói là Chánh giáo Đại thừa, các thứ nghĩa lý, các thứ văn cú, các thứ nghĩa lý, các thứ pháp môn đều do tứ, tầm, tư và tứ như thật trí. Quán sát tự tánh và sai biệt của danh nghĩa và pháp môn đều bất khả đặc. Bất khả đặc này không thể nói là hữu, vì lìa tam tánh, không thể nói vô, vì là quả thanh tịnh phạm hạnh. Những gì mà Như Lai nói là một vị, cho nên gọi là tổng tu. Tu này nương vào hạnh trí tuệ.

Luận nói: 2. Vô tướng, tu.

Giải thích: Như điều đã nói ở trước về vô trước... năm thứ thanh tịnh, cho nên gọi là vô tướng. Lại nữa, đối với tự thân báo và ân quả báo không nhiễm trước, cho nên gọi là vô tướng. Tu này là nương vào hạnh đại Tuệ .

Luận nói: 3. Vô công dụng tu.

Giải thích: Bồ-tát không do khởi công dụng tâm, mà tự nhiên tại Bồ-đề hạnh. Nếu đối với các sự khác thì cần phải khởi công dụng tâm. Tu này là nương vào tự tại và chánh kiến hạnh.

Luận nói: 4. Xí thịnh tu.

Giải thích: Bồ-tát không đem tâm xa xôi mà tu đạo, xả tâm hạ phẩm và trung phẩm, y chỉ tâm thượng phẩm. Khi tu hành, đối với thân mạng, tài vật không tham lam bồn xển, cho nên gọi là xí thịnh. Tu này là nương vào tin tấn hạnh.

Luận nói: 5. Bất tri túc tu.

Giải thích: Như điều đã nói ở trước, trong thời gian lâu dài tu thí... Các hạnh, không sinh mệt chán cho nên gọi là bất tri túc. Tu này là nương vào tín hạnh. Như trong Kinh nói: Nếu người có tín thì đối với

thiện không chán.

Luận nói: Phải biết đối với các địa đều có năm thứ tu này.

Giải thích: Các địa đều có năm thứ tu, năm thứ tu có hai nghĩa: 1. Chưa đắc khiến cho đắc. 2. Đã đắc khiến cho không mất.

Luận nói: Năm thứ tu này sinh năm pháp làm quả.

Giải thích: Năm thứ tu là nhân, năm pháp là quả. Quả có hai thứ: 1. Chân thật quả. 2. Giả danh quả. Năm pháp là chân thật quả, địa là giả danh quả. Vì năm pháp làm thành quả cho nên địa là giả danh quả.

Luận nói: Những gì là năm? 1. Từng Sát-na có thể hoại tất cả y pháp thô trọng.

Giải thích: Hoặc chương là thô, trí chương là trọng. Trong bản thức tất cả bất tịnh phẩm huân tập chủng tử, làm y pháp của hai chương này. Sát-na thứ nhất làm thứ đệ đạo. Sát-na thứ hai làm giải thoát đạo. Sát-na thứ nhất làm hư hoại mê hoặc hiện tại, khiến nó diệt mất.

Sát-na thứ hai ngăn che mê hoặc vị lai khiến nó không sinh. Lại nữa, do Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na trí duyên tổng pháp làm cảnh. Từng

Sát-na có thể phá hoại các khối mê hoặc. Những gì cần đối trị thì khiến cho nó diệt mất, cái không phải đối trị thì khiến nó yếu đi. Hoặc này diệt không sinh quả, là tổng tu sở đắc.

Luận nói: 2. Có thể được lìa khỏi các thứ tướng loạn tưởng.

Giải thích: Có thể được lìa khỏi các thứ tướng tướng hiện thọ pháp lạc. Tại sao vậy? Như Lai tùy theo căn tánh và phiền não hạnh của chúng sinh, mà lập các thứ pháp tướng. Nếu ai y theo văn phán đoán nghĩa thì các pháp này trước sau trái nhau. Nếu chấp tướng này thì không lìa nghi hoặc. Trong chánh pháp thì hiện đời không có nghĩa đắc an lạc trụ. Nếu nương vào vô tướng tu, thì trong chánh pháp lìa khỏi các thứ lập tướng tướng, quán chánh thuyết này đồng nhất chân như vị, tâm không nghi ngờ chán ghét. Trong chánh pháp, tùy ý tự tại cho nên hiện đời đắc an lạc trụ. Đây là pháp thành thực quả của Phật pháp, là sở đắc của vô tướng tu.

Luận nói: 3. Có thể thấy tất cả xứ, vô lượng, vô phân biệt tướng, thiện pháp quang minh.

Giải thích: Căn cứ theo Nhị thừa pháp nói tất cả xứ, lại cũng căn cứ theo nội pháp và ngoại pháp mà nói tất cả xứ, lại cũng căn cứ theo chân, tục mà nói tất cả xứ. Tất cả xứ như vậy Bồ-tát có thể thấy vô lượng tướng, như pháp tướng mà Phật nói và pháp tướng mà thế gian lập, Bồ-tát đều có thể liễu đạt, tức là như lượng trí, như chính số lượng đó, Bồ-tát lấy như lý trí để thông đạt vô phân biệt tướng. Hai trí này có thể soi rõ cảnh của chân, tục, cho nên gọi là thiện pháp quang minh. Hai trí quả này là sở đắc của vô công dụng tu.

Luận nói: 4. Như sở phân biệt pháp tướng, chuyển đắc thanh tịnh

phần hằng tương tục sinh, vì viên mãn thành tựu pháp thân.

Giải thích: Như những gì được nghe xưa kia, Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na trong tư lương giác quán chưa viên mãn chưa tròn đủ, chưa tùy theo duyên hạnh, vì chưa có tu nhiệt tâm, đã đắc tu nhiệt tâm này là do lia chướng mà chuyển đắc thanh tịnh phần. Do tương tục sinh cho nên được viên mãn, do viên mãn cho nên đắc xúc pháp thân, đến cứu cánh vị cho nên được thành tựu, là khởi thời, viên mãn thời và cứu cánh thời. Lại nữa, Như Lai có hai thứ thân: 1. Giải thoát thân. 2. Pháp thân. Do diệt hoặc cho nên giải thoát thân viên mãn, do giải thoát thân viên mãn cho nên pháp thân thành tựu. Quả xuất ly này là sở đắc của tu nhiệt tâm.

Luận nói: 5. Trong thượng phẩm chuyển tăng làm tối thượng thượng phẩm nhân duyên tụ tập.

Giải thích: Bồ-tát đấng địa đã đắc thượng phẩm, do bất tri tức đối với thiện pháp, càng tinh tấn tu tập thêm nữa. Từ Sơ địa chuyển xúc địa thứ hai, cho đến từ địa thứ mười chuyển xúc Phật quả, thành tối thượng phẩm. Trước hết chỗ tu tư lương phước đức trí tuệ, vô phân biệt trí làm nhân, các trợ đạo pháp làm duyên, đồng thời đầy đủ cho nên nói nhân duyên tụ tập. Viên mãn quả này là sở đắc của bất tri tức tu. Nghĩa của các địa khác, thì phải biết Luận Thập Thất Địa nói như vậy. Là hữu năng hay vô năng, trong mười địa có bao nhiêu loại pháp, chưa diệt làm cho diệt, chưa đắc làm cho đắc? Bồ-tát tu hành mười địa, trước hết Bồ-tát trong nguyện hạnh địa, đối với mười thứ pháp hạnh tu nguyện nhẫn được thành, do nguyện nhẫn được thành vượt qua nguyện hạnh địa nhập chánh định vị của Bồ-tát. Nguyện có mười đại nguyện:

1. Cúng dường nguyện, là nguyện cúng dường sư pháp chủ của thắng duyên phước điền.
2. Thọ trì nguyện, là nguyện thọ trì chánh pháp thắng diệu.
3. Chuyển pháp luân nguyện, là nguyện trong đại tập chuyển pháp luân chưa từng có.
4. Tu hạnh nguyện, là nguyện như thuyết tu hành tất cả chánh hạnh của Bồ-tát.
5. Thành thực nguyện, là nguyện thành thực thiện căn của khí thế giới và chúng sinh ba thừa này.
6. Thừa sự nguyện, là nguyện vãng sinh chư Phật quốc độ thường thấy chư Phật, hằng được kính thờ nghe thọ chánh pháp.
7. Tịnh độ nguyện, là nguyện thanh tịnh tự độ an lập chánh pháp và chúng sinh có thể tu hành.
8. Bất Ly nguyện, là nguyện đối với tất cả sinh xứ hằng không lìa chư Phật Bồ-tát đắc đồng ý hạnh.
9. Lợi ích nguyện, là nguyện đối với tất cả thời hằng làm sự lợi ích

chúng sinh không bỏ luống.

10. Chánh giác nguyện, là nguyện cùng với tất cả chúng sinh đồng được Vô thượng Bồ-đề hằng làm Phật sự. Mười nguyện này đến khi đặng Sơ địa thì mới được thành lập. Tại sao vậy? Vì nguyện này lấy chân như làm thể. Sơ địa có thể thấy chân như. Nhẫn, tức là vô phân biệt trí, do nguyện mà nhẫn được thành cho nên có hai thứ thắng năng:

1. Năng diệt.
2. Năng đắc.

Tại sao như vậy? Vì có hai mươi hai vô minh, là mười một thô trọng báo chướng và mười một địa. Các địa mỗi mỗi đều có thể diệt trừ tam chướng, mỗi mỗi đều đắc công đức thù thắng. Sơ địa có thể diệt trừ ba chướng.

1. Pháp ngã phân biệt vô minh.
2. Ác đạo nghiệp vô minh.

Hai thứ vô minh này chiêu cảm phương tiện sinh tử gọi là thô trọng báo, vì diệt trừ ba chướng cho nên tu chánh cần. Nhân theo tu chánh cần mà diệt ba chướng, đã được nhập sơ địa và đắc mười phần viên mãn:

1. Nhập chánh định vị của Bồ-tát, vì nhập sơ vô lưu địa của Bồ-tát.
2. Sinh vào nhà Phật, như các Bồ-tát sinh vào nhà của pháp vương, đầy đủ tôn thắng.
3. Chủng tánh không thể chê ghét, vì vượt qua chủng tánh của Nhị thừa và thế gian.
4. Đã chuyển tất cả thế gian hạnh, vì quyết định không làm sát sinh... Các tà hạnh
5. Đã đến xuất thế hạnh, chỗ đắc các địa chắc chắn không lưu chuyển.
6. Đã đắc pháp như của Bồ-tát, vì đắc tự tha bình đẳng.
7. Đã khéo lập xứ của Bồ-tát, vì chứng chân thật pháp của Bồ-tát.
8. Đã đến ba đời bình đẳng, vì giác ngộ rõ ràng chân như của tất cả pháp vô ngã.
9. Đã quyết định trong Như Lai tánh, tương lai chắc chắn thành Phật.
10. Đã lìa sự như quả trứng hư, vì Phật đạo phá vỡ vô minh. Đối với ngoại đạo nhập Niết-bàn, Bồ-tát đối với sơ địa. Do thấy nghĩa biến mãn của pháp giới. Đắc mười phần này, như Thanh-văn tại sơ quả có mười phần công đức, do phần này mà sơ địa viên mãn. Bồ-tát đối với sơ địa chưa thắng năng, chưa có thể liễu đạt việc làm lỗi phạm giới vì tế trong Bồ-tát giới, cho nên người chưa có khả năng là do ba chướng.

1. Vi tế phạm lỗi vô minh.
2. Chủng chủng tướng nghiệp hành vô minh.

Hai vô minh này đã chiêu cảm phương tiện sinh tử cho nên gọi là quả báo thô và trọng. Vì diệt ba chương cho nên tu chánh cần. Nhân theo tu chánh cần diệt trừ ba chương, đã nhập địa thứ hai, đắc tám thứ công đức thanh tịnh:

1. Tin ưa thanh tịnh.
2. Tâm thanh tịnh.
3. Từ bi thanh tịnh.
4. Ba-la-mật thanh tịnh.
5. Thấy Phật thờ Phật thanh tịnh.
6. Thành thực chúng sinh thanh tịnh.
7. Sinh thanh tịnh.
8. Oai đức thanh tịnh.

Đối với các địa thượng thượng địa Như Lai, tám thứ công đức này chuyển thượng, chuyển thắng. Do phần này cho nên địa thứ hai viên mãn. Bồ-tát đối với địa thứ hai chưa có thắng năng, chưa đắc tứ định, tứ không Tam-ma-bạt-đề của thế gian, và văn trì Đà-la-ni đầy đủ niệm lực. Nguyên nhân chưa đắc là do ba chương.

1. Dục ái vô minh.
2. Văn trì đầy đủ Đà-la-ni vô minh.

Hai vô minh này đã chiêu cảm phương tiện sinh tử gọi là thô trọng báo, vì diệt trừ ba chương này cho nên tu nhân của chánh cần. Do tu chánh cần diệt ba chương, đã nhập địa thứ ba, đắc tám thứ chuyển thắng thanh tịnh và tứ định, cho đến thông đạt nghĩa của pháp giới thắng lưu. Do phần này cho nên địa thứ ba viên mãn, Bồ-tát đối với địa thứ ba chưa có thắng năng, chưa có thể tùy tự sở đắc trong pháp trợ đạo phẩm trụ lâu như ý, chưa có thể xả lìa Tam-ma-bạt-đề pháp ái tâm thanh tịnh trụ. Nguyên nhân chưa lìa là do ba chương.

1. Tam-ma-bạt-đề ái vô minh.
2. Hành pháp ái vô minh.

Hai vô minh này đã chiêu cảm phương tiện sinh tử làm thô trọng báo, vì diệt ba chương này cho nên tu chánh cần. Do tu chánh cần diệt trừ ba chương, đã nhập địa thứ tư đắc tám thứ chuyển thắng thanh tịnh, và trong trợ đạo phẩm pháp trụ lâu như ý, cho đến thông đạt nghĩa pháp giới vô nhiễm. Do phần này cho nên địa thứ tư viên mãn. Bồ-tát đối với địa thứ tư chưa có thắng năng, Bồ-tát ngay lúc đang tu Tứ đế quán, đối với sinh tử và Niết-bàn, chưa có thể xả ly hoàn toàn quay lưng với tâm, chưa có thể đắc tu tứ phương tiện chỗ nhiếp đạo phẩm của Bồ-tát. Nguyên nhân chưa đắc là do tam chương.

1. Sinh tử và Niết-bàn hoàn toàn trái với thủ tư duy vô minh.

2. Chỗ nhiếp phương tiện tu tập đạo phẩm vô minh.

Hai vô minh này đã chiêu cảm nhân duyên sinh tử gọi là thô trọng báo, vì diệt trừ ba chướng này cho nên tu chánh cần. Do tu chánh cần diệt ba chướng, đã nhập địa thứ năm, đắc tám thứ chuyển thắng thanh

tịnh, và được xả ly bội thủ tâm, cho đến thông đạt nghĩa pháp giới tương tục không khác. Do phần này cho nên địa thứ năm viên mãn, Bồ-tát đối với địa thứ năm chưa có thắng năng. Những hành pháp sinh khởi tương tục như lý mà chứng. Do phần nhiều tu hành chán ghét hữu vi pháp tướng, chưa có thể trụ vô tướng tư duy thời gian dài như ý. Nguyên nhân chưa có thể được là do ba chướng.

1. Chứng chư hành pháp sinh khởi tương tục vô minh.

2. Tướng tướng sở khởi vô minh.

Hai vô minh này đã chiêu cảm nhân duyên sinh tử gọi là thô trọng báo, vì diệt ba chướng này cho nên tu chánh cần. Do tu chánh cần diệt trừ ba chướng, đã nhập địa thứ sáu, đắc tám thứ chuyển thắng thanh tịnh, và không chứng chư hành pháp sinh khởi tương tục, cho đến thông đạt nghĩa pháp giới vô nhiễm tịnh. Do phần này cho nên địa thứ sáu viên mãn, Bồ-tát đối với địa thứ sáu chưa có thắng năng, chưa có thể lìa các hữu vi pháp, các tướng hạnh vi tế sinh khởi, chưa có thể trụ lâu trong vô gián, vô lưu, vô tướng tư duy thời gian dài như ý. Nguyên nhân chưa có thể được là do ba chướng.

1. Vi tế tướng hạnh khởi vô minh.

2. Hoàn toàn vô tướng tư duy phương tiện vô minh.

Hai vô minh này đã chiêu cảm nhân duyên sinh tử gọi là thô trọng báo. Vì diệt ba chướng này cho nên tu chánh cần. Do tu chánh cần diệt ba chướng, đã nhập địa thứ bảy, đắc tám thứ chuyển thắng thanh tịnh và lìa hữu vi pháp, hạnh vi tế khởi các tướng, cho đến thông đạt nghĩa pháp giới chủng chủng pháp vô sai biệt. Do phần này cho nên địa thứ bảy viên mãn. Bồ-tát đối với địa thứ bảy chưa có thắng năng, chưa có thể lìa công dụng tâm mà được trụ trong vô tướng tu, chưa có thể ở trong tướng tự lợi, lợi tha mà được tự tại. Nguyên nhân chưa có thể được là do ba chướng.

1. Đối với vô tướng quán khởi công dụng vô minh.

2. Đối với tướng hạnh tự tại vô minh.

Hai vô minh này đã chiêu cảm Hữu hữu sinh tử gọi là thô trọng báo, vì diệt ba chướng này cho nên tu chánh cần. Do tu chánh cần diệt trừ ba chướng, đã nhập địa thứ tám, đắc tám thứ chuyển thắng thanh tịnh và lìa công dụng tâm, được trụ trong vô tướng tu, cho đến thông đạt nghĩa pháp giới vô tăng giảm. Do phần này cho nên địa thứ tám viên mãn, Bồ-tát đối với địa thứ tám chưa có thắng năng, chưa đắc tự tại cụ túc tướng biệt dị danh ngôn phẩm loại trong chánh thuyết, chưa

đắc thiện xảo thuyết Đà-la-ni. Nguyên nhân chưa có thể đắc là do ba chướng.

1. Vô lượng chánh thuyết pháp, vô lượng danh, cú, vị khó đáp xảo ngôn tự tại Đà-la-ni vô minh.

2. Y bốn vô ngại giải quyết nghi sinh giải vô minh.

Hai vô minh này đã chiêu cảm Hữu hữu sinh tử gọi là thô trọng báo. Vì diệt ba chướng này cho nên tu chánh cần. Do tu chánh cần diệt trừ ba chướng, đã nhập địa thứ chín, đắc tám thứ chuyển thắng thanh tịnh và được trụ cụ túc tướng tự tại trong chánh thuyết, cho đến thông đạt nghĩa pháp giới trí tự tại y chỉ. Do phần này cho nên địa thứ chín viên mãn, Bồ-tát đối với địa thứ chín chưa có thắng năng, chưa đắc chánh thuyết viên mãn pháp thân, chưa đắc vô trước, vô ngại, viên mãn lục thông Tuệ. Nguyên nhân chưa có thể đắc là do ba chướng.

1. Lục thần thông Tuệ vô minh.

2. Nhập vi tế bí mật pháp vô minh.

Hai vô minh này đã chiêu cảm Hữu hữu sinh tử gọi là thô trọng báo, vì diệt ba chướng này cho nên tu chánh cần. Do tu chánh cần diệt trừ ba chướng, đã nhập địa thứ mười, đắc tám thứ chuyển thắng thanh tịnh và có thể chánh thuyết viên mãn pháp thân, cho đến thông đạt nghĩa pháp giới nghiệp tự tại y chỉ. Do phần này cho nên địa thứ mười viên mãn, Bồ-tát đối với địa thứ mười chưa có thắng năng, chưa đắc thanh tịnh viên mãn pháp thân, chưa có thể đối với tất cả biết hợp cảnh mà đắc vô trước, vô ngại kiến và trí. Nguyên nhân chưa đắc là do ba chướng.

1. Đối với tất cả ứng tri cảnh vi tế trước vô minh.

2. Đối với tất cả ứng tri cảnh vi tế ngại vô minh.

Hai vô minh này đã chiêu cảm Hữu hữu sinh tử gọi là thô trọng báo, vì diệt ba chướng này cho nên tu chánh cần. Do tu chánh cần diệt trừ ba chướng, đã nhập địa Như Lai, đắc bảy thứ tối thắng thanh tịnh, ly sinh thanh tịnh và đắc thanh tịnh viên mãn pháp thân vô trước, vô ngại kiến trí. Do phần này cho nên Như Lai địa viên mãn, công đức mười địa đều là hữu thượng, công đức của Như Lai địa đều là vô thượng, các Ba-la-mật đều học xứ của Bồ-tát. Tại sao hoặc nói là có sáu Ba-la-mật, hoặc nói là có mười Ba-la-mật? Nói Ba-la-mật có sáu là gồm có hai ý:

1. Ba thứ Ba-la-mật trước là thành lợi ích tha thế gian.

2. Ba thứ Ba-la-mật sau là thành đối trị tha phiền não.

Do Bồ-tát hành thí, lập công cụ nuôi sống chúng sinh, khiến họ lìa khổ bần cùng. Do Bồ-tát hành giới, lìa bức hại tổn não chúng sinh, khiến họ không có kinh sợ. Do Bồ-tát hành nhẫn, không trả báo cho

chúng sinh các ác sự bức hại tổn não, khiến họ an tâm không nghi ngờ. Ba thứ Ba-la-mật này là thành tựu lợi ích của thế gian kẻ khác.

Bồ-tát hành tinh tấn, nếu người chưa chế phục hoặc và chưa đoạn hoặc thì có thể an lập người đó vào thiện xứ và trợ thiện xứ. Do tinh tấn này, các hoặc không thể khiến cho người kia thoái chuyển thiện xứ và trợ thiện xứ. Bồ-tát hành định, có thể chế phục phiền não của người kia. Bồ-tát hành Bát-nhã, có thể đoạn trừ phiền não của người kia, cho nên ba thứ Ba-la-mật sau làm thành đối trị phiền não kẻ khác.

Hoặc nói Ba-la-mật có mười thứ, là lập thêm bốn số Ba-la-mật. Để trợ thành sáu Ba-la-mật trước cho nên lập sau bốn thứ và trước ba thứ chỗ lợi ích của Ba-la-mật. Do chỗ làm rõ của tứ nhiếp, thì phương tiện Ba-la-mật có thể an lập người kia vào thiện xứ, vì phương tiện Ba-la-mật là ba thứ Ba-la-mật trợ bạn ở trước. Nếu Bồ-tát đối với hiện đời, hoặc bị phiền não nhiều, hoặc do nguyện sinh xuống hạ giới, hoặc do tâm nhu nhược, đối với hàng tu tập và tâm trụ bên trong không có công năng, định duyên Bồ-tát tạng mà văn cú sinh, không có công năng dẫn ra xuất thế Bát-nhã, Bồ-tát hành công đức thiện căn mỏng ít, nguyện đối với đời vị lai phiền não mỏng ít và vô lực. Đó là lực của Bồ-tát nguyện Ba-la-mật, khiến cho phiền não mỏng ít, có thể phát khởi tinh tấn Ba-la-mật của Bồ-tát. Tự làm đã như thế, khiến cho tha cũng như thế, cho nên nguyện Ba-la-mật là trợ bạn của tinh tấn Ba-la-mật, đây là Bồ-tát đã đắc tinh tấn. Do phụng sự thiện tri thức mà được nghe chánh pháp, như nghe rồi khởi chánh tư duy có thể trừ bỏ tâm địa nhu nhược, đối với cảnh vi diệu thì được tâm địa mạnh dạn thù thắng. Đó là lực Ba-la-mật của Bồ-tát. Do tu lực này mà Bồ-tát có thể dẫn tâm khiến cho trụ nội cảnh, cho nên lực Ba-la-mật là trợ bạn của định Ba-la-mật, đây là Bồ-tát đã đắc lực. Duyên văn cú của Bồ-tát tạng chỗ sinh Văn tuệ, Tư tuệ, tu tuệ, và duyên ngũ minh trí. Trí này có khả năng như lý mà chọn lựa các cảnh chân và tục. Trí này ở trước vô phân biệt trí, hoặc ở sau vô phân biệt trí, đó là trí Ba-la-mật của Bồ-tát. Do trí này có khả năng sinh địa và dẫn xuất Bát-nhã. Trí Ba-la-mật là trợ bạn của Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, mười thứ học xứ của Bồ-tát thứ đệ như thế nào? Những Ba-la-mật trước có thể nhiếp thành những Ba-la-mật sau, vì những Ba-la-mật đó làm y chỉ. Nếu Bồ-tát không tham tiếc lực trần và tự thân lạc, được thọ trì cấm giới thì Bồ-tát làm hộ trợ giới. Nhẫn chịu sự huỷ nhục của người khác, do có thể nhẫn chịu cho nên tinh tấn không giải đãi, do tinh tấn dứt ác sinh thiện, xúc chạm với Tam-ma-đề. Nếu định thành tựu

thì có thể dẫn xuất thế Bát-nhã. Do Bát-nhã mà hồi hương sáu độ trước, vì đặc đại Bồ-đề cho nên thí... vô tận. Bát-nhã có thể dẫn phương tiện nhân. Phương tiện này phát khởi các thiện nguyện, có khả năng nhiếp tùy thuận sinh xứ. Tất cả sinh xứ hằng gặp Như Lai ra đời, cho nên thường hành thí... Phương tiện có thể dẫn nguyện. Do nguyện này mà đặc hai thứ lực: 1. Tư trạch lực. 2. Tu tập lực. Hai thứ lực này phá các đối trị của thí... quyết định thường có thể tu hạnh thí... Cho nên nguyện có thể dẫn lực. Do lực này mà như ngôn chấp nghĩa (chấp nghĩa theo lời nói), vô minh bị diệt, được thọ tăng thượng duyên chánh thuyết pháp lạc của thí... Do đây, pháp lạc có thể thành thực thiện căn của chúng sinh, vì lực có thể dẫn trí.

Sơ địa do thông đạt nghĩa biến khắp, là đặc xuất thế trí. Bồ-tát thấy chỗ nhiếp pháp giới của kiến đạo, chỗ gọi là nhị không cho nên có thể hiểu rõ tự, tha bình đẳng. Do bình đẳng mà không tự thương mình ghét người, đối với lợi ích tự lợi và lợi tha có thể bình đẳng thực hành, do đó sơ địa hành thí viên mãn.

Địa thứ hai do thông đạt nghĩa tối thắng, là tự tánh thanh tịnh. Bồ-tát khởi ý như vậy: Như Kinh nói: Chúng ta đồng đặc thanh tịnh này mà được giải thoát, cho nên chỉ phải tu chân đạo. Kinh này làm rõ hai nghĩa:

1. Hiện tự tánh thanh tịnh tối thắng vô biệt của pháp giới.
2. Hiện chân đạo quy thú pháp giới. Đã không thấy pháp giới có hạ phẩm, trung phẩm, thượng phẩm, cho nên không cầu quả Nhị thừa, chỉ cầu Vô thượng Bồ-đề. Thanh tịnh đạo này tức là Bồ-tát giới, cho nên địa thứ hai tu hành giới viên mãn.

Địa thứ ba do thông đạt nghĩa thắng lưu cho nên hành nhẫn nhục. Mười hai bộ Kinh mà Như Lai nói là pháp giới thắng lưu. Vì từ thông đạt pháp giới mà sinh. Nếu người như lý y theo văn tự tu hành thì được chứng hy hữu pháp này. Bồ-tát khởi tư duy như vậy: Như Kinh nói: Vì đặc văn tự này thì không có khó nhẫn mà không thể nhẫn được. Giả sử có lửa chạy dữ dội trong ba ngàn đại thiên thế giới, Bồ-tát vì cầu pháp này mà có thể quăng thân vào lửa. Cho nên địa thứ ba hành nhẫn viên mãn.

Địa thứ tư do thông đạt nghĩa vô nhiếp, là quán pháp giới không có chỗ bị hệ thuộc, vì là vô phân biệt trí cảnh. Như Kinh nói: Do thông đạt này mà A-ha-na, Tam-ma-đề, Tam-ma-bạt-đề và thiện pháp ái diệt không sinh lại nữa. Tất cả định và ba mươi bảy pháp trợ đạo trong địa này rất thành tựu. Trong đó yêu thích không thể xả ly. Tại sao vậy? Vì

lỗi lầm khó thấy, nếu không có tối thắng chánh cần thì ái này không thể diệt. Nếu ái này diệt thì biết chánh cần đã thành tựu. Cho nên địa thứ tư hành tinh tấn viên mãn.

Địa thứ năm do thông đạt nghĩa tương tục không khác, là tự tánh pháp thân của tất cả chư Phật không có riêng khác. Bồ-tát đắc mười thứ ý thanh tịnh bình đẳng, ý bình đẳng này tức là định của Bồ-tát. Tại sao vậy? Vì định của Bồ-tát là cảnh giới bình đẳng vì duyên chân như và chúng sinh. Do hạnh bình đẳng mà nhiếp chung lục độ. Do phương tiện bình đẳng thì lìa tâm trên dưới. Do đạo bình đẳng mà lìa hai thứ cõi không. Mười thứ ý bình đẳng như vậy là thể của định. Cho nên địa thứ năm hành định viên mãn.

Địa thứ sáu do thông đạt nghĩa vô nhiễm tịnh, là Bồ-tát đang tại địa thứ sáu quán mười hai duyên sinh. Trong quán này, không thấy một pháp nào có tịnh có nhiễm. Tại sao vậy? Vì tự tánh của pháp giới vốn thanh tịnh. Mười hai phần của vô minh chỉ có phân biệt làm tánh. Phân biệt đã là vô tướng làm tánh cho nên không thấy pháp có nhiễm. Pháp đã không thành cho nên không thấy pháp có tịnh. Như Kinh nói: mười hai duyên sinh của long vương, hoặc là sinh hoặc là phi sinh. Căn cứ theo tục đế thì nói là sinh, căn cứ theo chân đế thì nói là bất sinh. Lại nữa, đối với mười hai duyên sinh, không có pháp nào gọi là nhiễm, không có pháp nào gọi là tịnh. Vì pháp tánh không có riêng khác, cho nên địa thứ sáu hành Bát-nhã viên mãn.

Địa thứ bảy do thông đạt nghĩa các pháp không sai khác, là Như Lai thuyết ba thừa vô lượng pháp môn, đồng nhất một vị chân như mọi tướng tướng mà mười hai bộ Kinh nói, vĩnh viễn không sinh lại nữa là do biết nghĩa của các pháp không có khác biệt. Hết thấy các hạnh chân, tục hoàn toàn hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, tức là biết trí thù thắng thuộc phương tiện hồi hướng là thể của phương tiện, khiến cho người khác được lợi ích là dụng của phương tiện. Thiện căn của thí... bất giảm bất tận là sự của phương tiện. Phương tiện này chỉ vì lợi tha, không vì tự lợi, vì bất tận mà lợi tha vô cùng, cho nên địa thứ bảy hành phương tiện viên mãn.

Địa thứ tám do thông đạt nghĩa không tăng không giảm, là Bồ-tát quán khi phiền não diệt thì không có giảm, khi đạo sinh thì không có tăng. Pháp giới có hai vị: 1. Hữu cấu vị. 2. Vô cấu vị. Bồ-tát không thấy pháp giới cấu vị có tăng, không thấy pháp giới vô cấu vị có giảm, cũng không thấy vô cấu do đạo sinh là tăng, cấu vị do đạo sinh là giảm. Vì không thấy một pháp nào có tăng hay giảm, nên nương vào đây mà

pháp giới thắng nguyện được thành. Bồ-tát đối với địa thứ tám duyên cảnh chân, tục thì hai trí trái nhau, nếu lìa nguyện lực thì không có nghĩa cùng chung thành tựu. Tại sao vậy? Vì duyên chân cảnh là sự tự tại của vô phân biệt trí. Vì tâm vô công dụng. Duyên tục cảnh là cõi tịnh tự tại, vì có tâm thanh tịnh công dụng. Hai thứ tự tại này chắc chắn nương vào nguyện lực mà được thành, nguyện này thì lấy pháp gì làm thể? Chưa đắc thì cầu đắc, là thể của nguyện. Như chỗ cầu trước kia tự nhiên mà được thành là dụng của nguyện. Tất cả nơi sinh hằng gặp Phật, thường hành thiện căn của thí... thành lập không dứt đoạn là sự của nguyện. Nguyện này chỉ vì lợi tha, không vì tự lợi, vì không dứt đoạn. Tất cả nơi sinh lợi tha vô cùng cho nên địa thứ tám hành nguyện viên mãn.

Địa thứ chín do thông đạt nghĩa y chỉ trí tự tại, là trong địa thứ chín đắc hai thứ lực: 1. Tư trạch lực. 2. Tu tập lực. Do hai lực này mà có thể chế phục tất cả sự đối trị của chánh hạnh, có thể khiến cho thiện hạnh được quyết định. Lực này lấy gì làm thể? Trí năng vô biên là thể mạnh của nó. Có thể chế phục đối trị khiến cho không khởi, là dụng của lực. Khiến cho việc hành thiện được quyết định thanh tịnh vô tạp vô ngại là sự của lực. Lực này chỉ vì lợi tha, không vì tự lợi. Vì quyết định cho nên lợi tha vô cùng. Do vậy, địa thứ chín hành lực viên mãn.

Địa thứ mười do thông đạt nghĩa của nghiệp y chỉ tự tại, là Bồ-tát quán biến mãn của chân như, vì là y chỉ của Ứng thân và Hóa thân, được tùy thuận chân như. Đối với mười phương thế giới hiển hiện hai thân, làm các sự lợi ích cho tự thân và người khác. Nghiệp này là chỗ làm rõ Ứng thân và Hóa thân. Trí này lấy gì làm thể? Bát-nhã và định là thể của trí. Không trụ sinh tử và Niết-bàn là dụng của trí. Lợi ích phàm phu và Thánh nhân là sự của trí. Trí này chỉ vì lợi tha không vì tự lợi, hai thân đã làm sáng mà lợi tha vô cùng, cho nên địa thứ mười hành trí viên mãn.

Luận nói: Trong mười địa tu mười Ba-la-mật, tùy theo thứ tự mà thành sáu địa ở trước có sáu Ba-la-mật như thứ tự mà nói.

Giải thích: Sáu địa trước thông đạt sáu thứ công đức của pháp giới cho nên mỗi địa hành một Ba-la-mật. Nghĩa này đã nói như trước.

Luận nói: Đối với bốn địa sau có bốn Ba-la-mật.

Giải thích: Nếu nói sáu Ba-la-mật thì phải biết phương tiện Ba-la-mật, thắng trí Ba-la-mật... Bốn Ba-la-mật nhiếp trong sáu Ba-la-mật. Nghĩa chữ nhiếp như trước đã nói. Nếu nói mười Ba-la-mật thì sáu Ba-la-mật trước là thuộc sự thu nhiếp của vô phân biệt trí. Bốn Ba-la-mật sau thì thuộc sự thu nhiếp vô phân biệt hậu trí. Bốn địa sau nương vào

vô phân biệt hậu trí mà tu hành bốn Ba-la-mật. Làm sao biết phương tiện thắng trí là chỗ thu nhiếp vô phân biệt hậu trí? Ba-la-mật này lại lấy pháp nào làm thể? Để đáp hai câu hỏi này cho nên nói như sau.

Luận nói: 1. Âu-hòa-câu-xá-la Ba-la-mật, là chỗ sinh trưởng công đức thiện căn của sáu Ba-la-mật, thí cho tất cả chúng sinh đều khiến cho bình đẳng, vì tất cả chúng sinh hồi hướng Vô thượng Bồ-đề.

Giải thích: Nếu người cầu đắc Vô thượng Bồ-đề, trước hết tự tư duy: Hễ là sự lợi ích cho tất cả chúng sinh thì ta đều phải làm, cho nên cầu Vô thượng Bồ-đề. Tất cả người hành Bồ-tát đạo, tâm của họ đều như thế. Do vì muốn lợi ích chúng sinh, cho nên công đức thiện đã làm căn đều hồi hướng Vô thượng Bồ-đề. Nhân quả đều đồng là bình đẳng. Bình đẳng này là dụng của trí phương tiện thù thắng. Bát-nhã đại bi lấy sao làm thể. Tại sao vậy? Là sáu Ba-la-mật nương vào Bát-nhã mà sinh trưởng, nương vào đại bi mà vì chúng sinh hồi hướng Vô thượng Bồ-đề khiến cho đều đắc bình đẳng. Do Bát-nhã mà không hồi hướng các quả giàu vui của Phạm thiên Đế thích. Do đại bi cho nên không hồi hướng quả Nhị thừa. Do đó không xả sinh tử. Trong sinh tử đó không bị nhiễm ô, gọi đó là phương tiện thù thắng của trí Ba-la-mật. Nếu lìa phân biệt thì sự này không thành. Cho nên thuộc sự thu nhiếp của vô phân biệt hậu trí. Làm sao biết nguyện Ba-la-mật là thuộc sự thu nhiếp của vô phân biệt hậu trí? Lại lấy pháp gì làm thể của Ba-la-mật này? Để đáp hai câu hỏi này cho nên nói như sau.

Luận nói: 2. Ba-ni-tha-na Ba-la-mật, là độ này có thể dẫn nhiếp các thứ thiện nguyện, vì đối với hoặc trong đời vị lai thì lực độ sinh duyên.

Giải thích: Nguyện này ở đời hiện tại nương vào các thiện hạnh, có thể dẫn nhiếp các thứ thiện nguyện. Nguyện này trong đời vị lai có thể chiêu cảm tùy theo lực độ mà sinh duyên, là sự chứa tốt của đạo và tư lương bên ngoài chánh văn của Thiện tri thức, gọi đó là việc nhân quả của thiện nguyện. Ý muốn thanh tịnh lấy nó làm thể. Vì nương vào Bát-nhã cho nên được thanh tịnh, nương vào đại bi cho nên có ý muốn. Nếu lìa phân biệt thì sự này không thành, vì là sự thu nhiếp của vô phân biệt hậu trí. Làm sao biết lực Ba-la-mật là sự thu nhiếp của vô phân biệt hậu trí? Ba-la-mật này lấy gì làm thể? Để đáp hai câu hỏi này cho nên nói như sau.

Luận nói: 3. Bà-la Ba-la-mật, là do lực của tư duy chọn lựa và tu tập mà chế phục các đối trị của Ba-la-mật nên có thể dẫn lực Ba-la-mật tương tục sinh, không có gián đoạn thiếu khuyết.

Giải thích: Trong các Kinh khác nói lực có hai thứ: 1. Tư trạch lực. 2. Tu tập lực. Tư trạch lực, chính là suy nghĩ các lỗi lầm và công đức của các pháp. Tư trạch này nếu tăng thêm thù thắng thì không bị lắc động bởi hoặc tự địa. Vì kiên cường cho nên gọi là lực. Tu tập lực là tâm duyên pháp mà khởi Quán hành, khiến tâm và pháp hoà hợp thành một, cũng như nước và sữa, cũng như xông ướp áo, gọi đó là tu. Tu này nếu tăng thêm thành Phẩm thượng thượng thì nó có khả năng trừ hoặc của các địa dưới. Cũng vì kiên cường cho nên gọi là lực. Trong đây chỉ lấy tư trạch lực để chế phục diệt trừ các đối trị hoặc của Ba-la-mật. Hành sáu Ba-la-mật khiến cho tương tục không gián đoạn thiếu khuyết, đây tức là sự của lực Ba-la-mật. Vì đã lấy tư trạch lực, cho nên lấy Tư tuệ làm thể của nó. Vì lợi tha mà diệt ác hành thiện, là gồm thuộc đại bi, nếu lìa phân biệt này thì sự không thành, cho nên thuộc sự thu nhiếp của vô phân biệt hậu trí. Làm sao biết trí Ba-la-mật là sự thu nhiếp vô phân biệt hậu trí? Lấy pháp gì làm thể của Ba-la-mật này? Để đáp hai câu hỏi này cho nên nói như sau.

Luận nói: 4. Nhã-na Ba-la-mật, là độ này có thể thành lập trước trí của lục độ, vì có thể khiến cho Bồ-tát trong đại tập thọ pháp lạc và thành thực chúng sinh.

Giải thích: Độ này là trí Ba-la-mật. Trí có hai thứ: 1. Hữu phân biệt. 2. Vô phân biệt. Hiện tại là thuyết minh hữu phân biệt trí. Tại sao vậy? Vì năng thành lập sáu Ba-la-mật trước. Năng thành lập là hết thấy chánh pháp mà Như Lai nói là dựa vào sáu Ba-la-mật, Bồ-tát có thể tư duy giản trạch mà tự đắc thông đạt và khiến cho người khác thông đạt. Vì có thể thành lập lục độ, Bồ-tát trong đại tập được thọ pháp lạc, khiến cho mình và người thông đạt, vì muốn thành thực chúng sinh. Đây tức là sự của trí Ba-la-mật, cũng lấy Tư tuệ làm thể. Trí này đã là lợi vật, gồm thuộc đại bi. Nếu lìa phân biệt thì sự không thành, cho nên thuộc sự thu nhiếp của vô phân biệt hậu trí.

Luận nói: Bốn thứ Ba-la-mật sau phải biết là sự thu nhiếp của vô phân biệt hậu trí. Tất cả Ba-la-mật, trong tất cả địa không đồng thời tu tập.

Giải thích: Tùy theo biệt nghĩa mà các địa mỗi mỗi đều tu một độ, cho nên không đồng thời.

Luận nói: Từ Kinh tạng của Ba-la-mật tạng, phải biết pháp môn này làm rõ rộng các nghĩa.

Giải thích: Tất cả pháp Đại thừa gọi là Ba-la-mật tạng. Vì lợi tha cho nên Phật nói Đại thừa, nhiếp chứa các Ba-la-mật. Không phải

Thanh-văn thừa được tên tạng này, vì Thanh-văn thừa không vì lợi tha mà nói. Nếu tất cả Đại thừa đều gọi là Ba-la-mật tạng thì pháp môn này từ đâu lưu xuất? Pháp môn này là chỗ nhiếp của thập địa Ba-la-mật tạng. Do lấy văn để nhiếp nghĩa cho nên gọi là tạng. Đồng bộ loại nhiếp nhau cũng gọi là tạng, cho nên có trùng tên tạng. Lại nữa, Phật vì Nhị thừa mà thuyết, cho nên đối với Nhị thừa có nghĩa bí ẩn. Do đó cũng gọi là tạng. Trong Kinh này nói các địa của tất cả Ba-la-mật mỗi mỗi đều tu tập mà được thành địa này. Chư Phật đối với tất cả cõi xứ hằng vì nhân hạnh thù thắng mà nói, đây chính là nói nghĩa của địa. Như Lai trong pháp vì vô đẳng mà nói, lấy vô nghĩa, vô hành mà được thù thắng của địa này. Địa này có khả năng làm y chỉ cho tất cả nghĩa. Tại sao vậy? Vì Như Lai giản trạch đối với xứ thù thắng mà nói. Nguyên nhân thù thắng, là vì ngoại trần, chúng sanh năng trụ và chỗ trụ xứ đều thù thắng.

